

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: **11** /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày **10** tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về kết quả giám sát việc triển khai thực hiện
Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển cà phê bền vững
của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của
HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024;
Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07 năm 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh năm
2024;

Sau khi xem xét Báo cáo số 42/BC-ĐGS ngày 21 tháng 5 năm 2024 của
Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, giám sát việc triển khai thực hiện
Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về Phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định
hướng đến năm 2030; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành nội dung đánh giá về
những kết quả đạt được những hạn chế, khó khăn và kiến nghị đề xuất tại Báo cáo
số 42/BC-ĐGS ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân
dân tỉnh, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển cà phê bền
vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với những
nội dung chính như sau:

1. Kết quả đạt được

Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển và phát triển bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết 24) đề ra 17 mục tiêu, trong đó 16 mục tiêu có thời gian thực hiện đến năm 2020 và 01 mục tiêu có thời gian thực hiện đến năm 2030; đến nay có 10 mục tiêu thực hiện đạt và vượt, 06 mục tiêu chưa đạt Nghị quyết đề ra; 01 mục tiêu đến năm 2030 đang tiếp tục tổ chức thực hiện.

Triển khai, thực hiện Nghị quyết 24, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 09 văn bản chỉ đạo, điều hành và hàng năm đều ban hành các văn bản chỉ đạo về sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê trên địa bàn tỉnh. Các Sở, ban, ngành, địa phương đã ban hành các văn bản triển khai, thực hiện phù hợp với từng đơn vị, địa phương; đồng thời quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, tập huấn cho người dân về sản xuất, kinh doanh cà phê bền vững góp phần nâng cao nhận thức cho người sản xuất cà phê và cả cơ sở thu mua, chế biến cà phê trên địa bàn, do đó năng suất, chất lượng cà phê từng bước ổn định, bền vững.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2014-2020 với tổng diện tích cần tái canh là 41.508 ha (Nghị quyết 24 đề ra 32.335 ha) và Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025 với tổng diện tích 24.441,78 ha; giai đoạn 2021 - 2023 thực hiện tái canh đạt 10.755 ha, bình quân mỗi năm đạt 3.585 ha/năm (Nghị quyết 24 đề ra: 1.000 – 1.500ha), tăng hơn 2.000 ha/năm so với mục tiêu của Nghị quyết. Giai đoạn 2017-2023, Chương trình tái canh của tỉnh đã được hỗ trợ 30.847.153 cây giống cà phê, bình quân mỗi năm khoảng hơn 4.400.000 cây giống cà phê được hỗ trợ, năng suất từ 4,2-7 tấn cà phê nhân/ha, chiếm khoảng 80% diện tích cà phê tái canh trên địa bàn tỉnh (đạt mục tiêu của Nghị quyết số 24).

Có khoảng 90% sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản theo đúng quy trình kỹ thuật vượt mục tiêu Nghị quyết 24 đề ra; 100% các cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu tuân thủ đúng quy chuẩn kỹ thuật, cà phê đạt điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Có ít nhất 04 đơn vị cà phê chế biến sâu áp dụng công nghệ và quy trình quản lý tiên tiến đối với chế biến sâu - vượt 01 đơn vị so với mục tiêu Nghị quyết 24, sản lượng cà phê chế biến sâu bình quân hàng năm đạt khoảng 41.650 tấn, đạt tỷ lệ 8,11 % so với sản lượng cà phê của bình quân các niên vụ (Nghị quyết 24 đề ra tỷ lệ chế biến sâu đạt từ 8-10%).

Công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường đã được quan tâm chú trọng, giúp cho việc quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê Việt Nam ra thị trường thế giới; sản lượng cà phê xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 760,9 triệu USD góp phần vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Về hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai, thực hiện Nghị quyết 24 vẫn còn một số hạn chế như sau:

a) Công tác ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 24 có lúc chưa kịp thời; triển khai Kế hoạch, đề án chưa đồng bộ; tuyên truyền, vận động triển khai thực hiện nghị quyết chưa sâu rộng.

b) Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu; thực hiện bàn giao các công trình thủy lợi do doanh nghiệp quản lý chưa đồng bộ. Vốn đầu tư ứng dụng các thiết bị công nghệ tưới vượt khả năng của đại bộ phận, tổ chức cá nhân có nhu cầu đầu tư....

c) Một số chỉ tiêu thực hiện nghị quyết chưa đạt:

- Duy trì ổn định 180.000 ha cà phê đến năm 2020 không đạt được mục tiêu đề ra (năm 2020 diện tích cà phê là 209.955 ha); diện tích cà phê già cỗi hết chu kỳ kinh doanh cần tái canh chiếm tỷ lệ lớn; công tác tuyên truyền, vận động thực hiện việc chuyển đổi diện tích cà phê không phù hợp sang cây trồng khác còn hạn chế.

- Diện tích cà phê chủ động nước tưới mới chỉ đạt 67,62% so với mục tiêu nghị quyết đề ra (Nghị quyết 24 đề ra 75-80%) và đạt 57,17% tổng diện tích cà phê.

- Kim ngạch xuất khẩu cà phê đến năm 2020 của tỉnh là 191.851 tấn, đạt 328,3 triệu USD (Nghị quyết 24 đề ra 600 triệu - 650 triệu USD/năm)...

2. Nguyên nhân của hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

Là tỉnh có diện tích cà phê lớn, nhưng các chính sách ưu đãi chưa nhiều, nhất là chính sách chuyển đổi những diện tích cà phê già cỗi, sâu bệnh, đất đai không phù hợp, thiếu nguồn nước tưới, kém hiệu quả sang cây trồng khác.

90% diện tích và sản lượng cà phê do các hộ nông dân sản xuất, tuy nhiên quy mô và diện tích nhỏ lẻ, manh mún, do đó việc chuyển giao kỹ thuật còn nhiều khó khăn; Sản xuất cà phê của người dân còn theo kinh nghiệm, tự phát, áp dụng



quy trình kỹ thuật tái canh cà phê còn nhiều hạn chế, một số diện tích cà phê tái canh không đạt hiệu quả.

Do biến động của thị trường thế giới, giá cà phê giao động liên tục, do đó dự kiến về tổng kim ngạch xuất khẩu không chính xác.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về Nghị quyết 24, các kế hoạch, đề án triển khai Nghị quyết 24 chưa thường xuyên; nhận thức của doanh nghiệp và người dân về sản xuất cà phê bền vững và áp dụng quy trình, kỹ thuật tái canh cà phê trong nhân dân còn hạn chế.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 24 còn thiếu sự vào cuộc của một số cơ quan, đơn vị, địa phương; thiếu chủ động phối hợp của các cấp, các ngành và các công ty, doanh nghiệp; chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; chưa tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 24 trên địa bàn tỉnh.

Về cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp và người dân áp dụng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đã được Chính phủ quy định tại Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tuy nhiên việc xác định nguồn lực hỗ trợ còn gặp khó khăn do: Ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan. Ngân sách địa phương và nguồn lực hợp pháp khác của địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết 24 còn hạn chế.

Điều 2. Nhằm thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật trong việc phát triển cà phê bền vững của tỉnh thời gian tới, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương, Chính phủ, Bộ, ngành:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, có văn bản kiến nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quan tâm xem xét, giải quyết các nội dung đã được đề cập tại Báo cáo của Đoàn giám sát.

2. Đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn vận động nhân dân thực hiện tuân thủ quy trình tái canh cà phê; chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với những diện tích cà phê không đảm bảo nguồn nước tưới, không phù hợp để chuyển sang cây trồng khác hiệu quả, kinh tế cao hơn. Đây

mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ các Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất và phê bình vững, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp chặt chẽ và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 24, các Đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 24 và các văn bản của Bộ, ngành có liên quan; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện. Tổ chức đánh giá tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24, từ đó tiếp tục nghiên cứu, xem xét, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về tín dụng của Trung ương trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo điều kiện cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận vốn tín dụng để đầu tư tái canh cà phê, đầu tư máy móc thiết bị chế biến... để nâng cao năng xuất và giá trị cà phê trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả triển khai, thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 30/3/2025 để tái giám sát.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ NNPTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh,
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.(A)

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa